

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐÀO TẠO STANFORD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐÀO TẠO STANFORD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STANFORD TRAINING AND CONSULTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110783297

**3. Ngày thành lập:** 15/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng lửng, tòa nhà chung cư B14 Kim Liên, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961868698

Fax:

Email: [Manhnhnicp@gmail.com](mailto:Manhnhnicp@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn<br>(trừ các loại hình Nhà nước cấm)                                                                                                                                                | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                          | 1812     |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                     | 4641     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                      | 4651     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                       | 4652     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                 | 4659     |
| 8.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                      | 4761     |
| 9.  | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                    | 4762     |
| 10. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4763     |
| 11. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                      | 4764     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4771 |
| 13. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4912 |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng<br>Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)<br>Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác<br>Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ<br>Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác | 4933 |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan<br>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)<br>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác                                                               | 5210 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động vận tải hàng không)<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu                                                          | 5229 |
| 17. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử                                                                                                                                                                                                                           | 6190 |
| 18. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6201 |
| 19. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                         | 6202 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ mạng xã hội cho công cộng (trừ các dịch vụ bị cấm theo quy định của pháp luật)                                                                                                | 6209 |
| 21. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                      | 6311 |
| 22. | Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)<br>Chi tiết: - website thương mại điện tử bán hàng - website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử<br>- Thiết lập mạng xã hội<br>- Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp                                                                          | 6312 |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán).                                                                                                                                                                        | 7020 |

|     |                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                  | 7310 |
| 25. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm thăm dò dư luận)                                                            | 7320 |
| 26. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ sản xuất phim, và hoạt động của phóng viên ảnh)                                                            | 7420 |
| 27. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi<br>giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm       | 7810 |
| 28. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                  | 8211 |
| 29. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc<br>biệt khác                                                            | 8219 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                           | 8220 |
| 31. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                             | 8230 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 33. | Giáo dục nhà trẻ<br>Chi tiết:<br>- Nhà trẻ dân lập, tư thục<br>- Nhóm trẻ                                                              | 8511 |
| 34. | Giáo dục mẫu giáo<br>Chi tiết:<br>- Trường mẫu giáo, trường mầm non<br>- Lớp mẫu giáo độc lập                                          | 8512 |
| 35. | Giáo dục tiểu học<br>Chi tiết: trường tiểu học tư thục                                                                                 | 8521 |
| 36. | Giáo dục trung học cơ sở<br>Chi tiết: Trường trung học cơ sở tư thục                                                                   | 8522 |
| 37. | Giáo dục trung học phổ thông<br>Chi tiết: Trường trung học phổ thông tư thục                                                           | 8523 |
| 38. | Đào tạo sơ cấp<br>Chi tiết: Đào tạo trình độ sơ cấp                                                                                    | 8531 |
| 39. | Đào tạo trung cấp<br>Chi tiết: Đào tạo trình độ trung cấp                                                                              | 8532 |
| 40. | Đào tạo cao đẳng<br>Chi tiết: Đào tạo trình độ cao đẳng                                                                                | 8533 |
| 41. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                          | 8551 |
| 42. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                            | 8552 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 43. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul> <p>(Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)</p> | 8559(Chính) |
| 44. | <p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn giáo dục</li> <li>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục</li> <li>+ Dịch vụ tư vấn du học</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                              | 8560        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: NGUYỄN THI THU HÀ

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 02/06/1996

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025196006681

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khu 03, Xã Quang Húc, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu 03, Xã Quang Húc, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: NGUYỄN THI THU HÀ

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/06/1996

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025196006681

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khu 03, Xã Quang Húc, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu 03, Xã Quang Húc, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội